



CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN KROIZE

Văn phòng Hà Nội

Số 22, Tổ 29, Phường Yên Hòa
Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội

Tel: +84 (24) 6666 7979

Fax: +84 (24) 6666 7799

Email: info@damc.vn

Website: www.kroize.com

Số: 105/2020/KROIZE-BCKT

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Dịch vụ - XNK Nông sản Hà Nội

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Dịch vụ - XNK Nông sản Hà Nội, được lập ngày 10/03/2020, từ trang 04 đến trang 24, bao gồm Bảng Cân đối kế toán tại ngày 31/12/2019, Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019 và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không. Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (Tiếp theo)

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.



Nguyễn Anh Tuấn
Chủ tịch Hội đồng Thành viên
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0779-2019-264-1
Thay mặt và đại diện
CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN KROIZE
Hà Nội, ngày 10 tháng 3 năm 2020

Nguyễn Hoàng Yến
Kiểm toán viên
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 4096-2020-264-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019

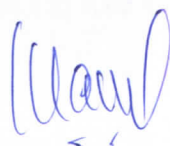
TÀI SẢN	MS	TM	31/12/2019	01/01/2019
			VND	VND
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN (100 = 110+120+130+140+150)	100		6.781.266.701	27.920.787.930
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		154.250.466	765.404.684
1. Tiền	111	5.1	154.250.466	765.404.684
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		6.627.016.235	27.150.445.064
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.2	3.725.182.298	3.557.870.482
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	5.3	1.504.071.200	710.000.000
3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	5.4	1.950.000.000	25.100.000.000
4. Phải thu ngắn hạn khác	136	5.5	1.971.429.514	306.241.359
5. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	137	5.6	(2.523.666.777)	(2.523.666.777)
IV. Hàng tồn kho	140		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		-	4.938.182
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.7	-	4.938.182
B - TÀI SẢN DÀI HẠN (200 = 210+220+240+250+260)	200		62.551.320.779	40.122.058.081
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		27.450.000.000	1.950.000.000
1. Phải thu về cho vay dài hạn	215	5.4	27.450.000.000	1.950.000.000
II. Tài sản cố định	220		33.735.198.226	36.192.204.406
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.8	33.735.198.226	36.192.204.406
- Nguyên giá	222		55.689.684.362	55.689.684.362
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(21.954.486.136)	(19.497.479.956)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		-	-
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		1.366.122.553	1.979.853.675
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	5.7	1.366.122.553	1.979.853.675
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100+200)	270		69.332.587.480	68.042.846.011

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019

NGUỒN VỐN	MS	TM	31/12/2019	01/01/2019
			VND	VND
C - NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310+330)	300		13.090.334.094	14.198.281.362
I. Nợ ngắn hạn	310		8.322.204.094	9.400.781.362
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.9	278.964.138	278.964.138
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		-	212.500.000
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.10	3.592.984.354	4.367.105.686
4. Phải trả người lao động	314		572.172.079	426.298.750
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	5.11	2.203.072.738	2.523.594.307
6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	5.12	454.545.454	502.388.637
7. Phải trả ngắn hạn khác	319	5.13	826.469.149	695.933.662
8. Quỹ khen thưởng phúc lợi	322		393.996.182	393.996.182
II. Nợ dài hạn	330		4.768.130.000	4.797.500.000
1. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336	5.12	2.025.000.000	2.325.000.000
2. Phải trả dài hạn khác	337	5.13	2.743.130.000	2.472.500.000
D - VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410+430)	400		56.242.253.386	53.844.564.649
I. Vốn chủ sở hữu	410	5.14	56.242.253.386	53.844.564.649
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		40.000.000.000	40.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		40.000.000.000	40.000.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		8.810.745.710	8.810.745.710
3. Quỹ đầu tư phát triển	418		1.326.714.789	1.326.714.789
4. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		225.412.148	225.412.148
5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		5.879.380.739	3.481.692.002
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		3.481.692.002	-
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		2.397.688.737	3.481.692.002
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300+400)	440		69.332.587.480	68.042.846.011

Hà Nội, ngày 10 tháng 03 năm 2020

Người lập



Nguyễn Thị Kim Lan

Kế toán trưởng



Nguyễn Thị Tuyết

Tổng Giám đốc




Trần Thu Hồng

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
 Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2019

CHỈ TIÊU	MS	TM	Năm 2019	Năm 2018
			VND	VND
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	5.15	17.707.523.397	15.628.717.837
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01-02)	10	5.15	17.707.523.397	15.628.717.837
4. Giá vốn hàng bán	11	5.16	10.906.744.154	8.590.201.035
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10-11)	20		6.800.779.243	7.038.516.802
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	5.17	1.845.717.927	2.279.797.134
7. Chi phí tài chính	22	5.18	24.500.000	23.500.000
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		-	-
8. Chi phí bán hàng	24		-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	5.19	5.501.436.249	5.683.389.207
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20+(21-22)-(24+25)}	30		3.120.560.921	3.611.424.729
11. Thu nhập khác	31	5.20	-	898.168.444
12. Chi phí khác	32	5.20	77.160.000	104.382.536
13. Lợi nhuận khác (40 = 31-32)	40		(77.160.000)	793.785.908
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30+40)	50		3.043.400.921	4.405.210.637
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	5.21	645.712.184	923.518.635
16. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50-51-52)	60		2.397.688.737	3.481.692.002
17. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	5.23	599	870

Hà Nội, ngày 10 tháng 03 năm 2020

Người lập



Nguyễn Thị Kim Lan

Kế toán trưởng



Nguyễn Thị Tuyết

Tổng Giám đốc



Trần Thu Hồng

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
 (Theo phương pháp gián tiếp)
 Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2019

CHỈ TIÊU	MS	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. (Lỗ)/ Lợi nhuận trước thuế	01	3.043.400.921	4.405.210.637
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
- Khấu hao tài sản cố định và BĐSĐT	02	2.457.006.180	2.324.593.658
- (Lãi)/ lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(1.845.717.927)	(2.279.797.134)
- Chi phí lãi vay	06	24.500.000	23.500.000
3. Lợi nhuận từ HĐKD trước thay đổi vốn lưu động	08	3.679.189.174	4.473.507.161
- (Tăng)/ giảm các khoản phải thu	09	(6.894.549.258)	(1.093.233.394)
- Tăng/ (giảm) các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	5.049.814.645	(328.383.775)
- (Tăng)/ giảm chi phí trả trước	12	618.669.304	(1.939.308.918)
- Tiền lãi vay đã trả	14	(24.500.000)	(23.500.000)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(696.385.942)	(475.000.000)
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	-	(573.913.259)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	1.732.237.923	40.167.815
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	-	(3.374.543.637)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	-	300.672.727
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(2.620.000.000)	(1.950.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	100.000.000	3.670.000.000
5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	176.607.859	2.548.945.748
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(2.343.392.141)	1.195.074.838
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	-	(691.500.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	-	(691.500.000)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+30+40)	50	(611.154.218)	543.742.653
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	765.404.684	221.662.031
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61)	70	154.250.466	765.404.684

Hà Nội, ngày 10 tháng 03 năm 2020

Người lập

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc





Nguyễn Thị Kim Lan

Nguyễn Thị Tuyết

Trần Thu Hồng